

*

Số -CTr/BCSD

Ninh Thuận, ngày tháng 01 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết 09-NQ/TU*); Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi số phải đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ của hệ thống chính trị được đồng bộ, toàn diện và hiệu quả; hướng đến lợi ích của người dân, doanh nghiệp; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế của địa phương, nâng cao năng suất lao động; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và sự phát triển bền vững của địa phương. Ninh Thuận là một trong những địa phương sớm hoàn thành mục tiêu về chuyển đổi số trong khu vực Nam Trung bộ; phát triển công nghiệp nội dung số, thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ số; công nghệ số được ứng dụng mạnh mẽ trong các lĩnh vực đột phá là năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất công nghiệp, du lịch và kinh tế đô thị góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; hình thành hệ sinh thái ICT địa phương, kết nối hiệu quả vào hệ sinh thái quốc gia; phấn đấu tỉnh thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố có chỉ số chuyển đổi số (DTI) cao nhất cả nước.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và

60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế-xã hội của địa phương để phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh và huyện được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (trừ các báo cáo thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử bao gồm các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm được hoàn thành và kết nối, chia sẻ vào hệ thống quốc gia; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội;

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với Chính quyền số là 95%;

- Tỉnh Ninh Thuận thuộc nhóm 15 tỉnh dẫn đầu cả nước về phát triển Chính quyền số cấp tỉnh/thành phố.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 20% GRDP;

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%;

- 100% sản phẩm OCOP được tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử nội địa.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 90% hộ gia đình, 100% địa bàn thôn có dân cư;

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh;

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%;

- Xây dựng thành công nền tảng đô thị thông minh tại thành phố Phan Rang-Tháp Chàm.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số

1.1. Tăng cường tuyên truyền, đổi mới tư duy, nhận thức của từng cán bộ, đảng viên, hộ gia đình và doanh nghiệp về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong đời sống, sản xuất, thương mại và thực thi công vụ

a) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp về vai trò và tính cấp thiết của chuyển đổi số; tập trung chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số; ban hành và triển khai kế hoạch gắn với chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong ngành, lĩnh vực, địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, Nhân dân và doanh nghiệp về các chủ trương, chính sách về chuyển đổi số; phát triển hài hòa hợp lý gắn kết giữa công nghệ và cải cách hành chính; phát triển phải có kế thừa, đổi mới, sáng tạo.

Thời gian thực hiện: ***Quý IV năm 2021 và những năm tiếp theo.***

b) Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh tham gia đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi nhận thức của cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về chuyển đổi số. Đặc biệt, sớm xây dựng chương trình nâng cao vai trò xung kích, tình nguyện đi đầu của lực lượng thanh niên trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số. Khuyến khích và tiến đến có cơ chế để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sử dụng ví điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học công nghệ, nhất là công nghệ phục vụ đời sống, sản xuất, kinh doanh.

Thời gian thực hiện: ***Quý I, II, III năm 2022 và hàng năm.***

c) Đổi mới phương thức điều hành xã hội, thực thi công vụ theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh tế mới.

Thời gian thực hiện: ***Năm 2022, 2023, 2024, 2025.***

d) Mỗi huyện, thành phố lựa chọn một xã/phường để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân và doanh nghiệp.

Thời gian thực hiện: ***Quý I, II năm 2022.***

1.2. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số

a) Tổ chức sớm, thường xuyên, rộng rãi để quán triệt triển khai hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chương trình chuyển đổi số Quốc gia và các cơ chế, chính sách của Trung ương về chuyển đổi số.

Thời gian thực hiện: ***Hàng năm.***

b) Ngay từ đầu nhiệm kỳ có cơ chế, chính sách của tỉnh để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, phù hợp với môi trường số; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi

nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực thu hút các doanh nghiệp số có tiềm năng đầu tư vào tỉnh; hỗ trợ các thủ tục liên quan như bảo hộ sở hữu trí tuệ, thủ tục thuế, hải quan, bảo hiểm nhanh chóng và đơn giản. Đẩy mạnh thuê để sử dụng hạ tầng, dịch vụ số do doanh nghiệp, xã hội cung cấp (kể cả các cấp chính quyền); thúc đẩy hợp tác công tư trong chuyển đổi số; kích hoạt mọi nguồn lực trong xã hội.

Thời gian thực hiện: **Quý I, II năm 2022 và những năm tiếp theo.**

c) Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh. Chủ động liên kết với các Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước, đẩy mạnh hợp tác với Công ty, Tập đoàn công nghệ hàng đầu về chuyển đổi số trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

Thời gian thực hiện: **Hàng năm.**

d) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công nghệ thông tin hiện có, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số. Trong giai đoạn đến năm 2025, triển khai đào tạo thử nghiệm đào tạo công nghệ số cho người dân tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, người dân vùng nông thôn.

Thời gian thực hiện: **Hàng năm.**

1.3. Phát triển hạ tầng số

a) Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp hạ tầng thiết bị và ứng dụng đồng bộ, hiện đại sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và sự chuyển đổi của chính quyền điện tử; ưu tiên hệ thống truyền tải dữ liệu, trung tâm tích hợp dữ liệu, năng lượng và các hệ thống thiết bị thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ dữ liệu.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025.**

b) Triển khai đồng bộ mạng băng thông rộng chất lượng cao trên địa bàn toàn tỉnh, phát triển mạnh mẽ mạng di động 5G, nâng cấp mạng di động 4G; nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại di động thông minh; đầu tư mua sắm thay thế, bổ sung, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động các cơ quan đảng và chính quyền các cấp.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025.**

c) Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) đồng bộ; xây dựng và hoàn thiện bản đồ số phục vụ đa ngành có khả năng tùy biến cao, gắn với công nghệ điện toán đám mây (Cloud); đẩy nhanh ứng dụng công nghệ số và

các thành tựu khoa học công nghệ khác vào xây dựng nền tảng số, tạo tiền đề phát triển đô thị thông minh.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025.**

1.4. Phát triển dữ liệu

a) Triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) kết nối với các CSDL của tỉnh tạo nền tảng Chính quyền điện tử (trước hết là triển khai kết nối 06 CSDLQG theo Quyết định 714/QĐ-TTg); các cơ quan nhà nước phải mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số theo yêu cầu phát triển và quy định của pháp luật.

Thời gian thực hiện: **Quý IV/2021, năm 2022, 2023**

b) Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước, doanh nghiệp; triển khai các công nghệ số mới để khai thác có hiệu quả dữ liệu (AI, BigData,...).

Thời gian thực hiện: **Quý IV năm 2021, năm 2022, 2023**

c) Cụ thể hóa các chính sách, quy định về quản trị dữ liệu của tỉnh (trách nhiệm, phân cấp quản lý dữ liệu; kết nối, chia sẻ, mở dữ liệu; quy định dữ liệu gốc; quản lý chất lượng dữ liệu; quản lý kiến trúc dữ liệu; quản lý vận hành dữ liệu; quản lý an ninh dữ liệu; quản lý đặc tả dữ liệu;...).

Thời gian thực hiện: **Năm 2022**

d) Triển khai tuyên truyền, đào tạo về vai trò và tầm quan trọng của dữ liệu, quản trị dữ liệu.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025**

1.5. Phát triển nền tảng số

a) Kết nối hệ thống định danh và xác thực điện tử của tỉnh với hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023**

b) Triển khai hạ tầng điện toán đám mây (Cloud) với mô hình triển khai (đám mây công cộng, đám mây dùng riêng, đám mây lai) và các loại hình dịch vụ cung cấp trên đám mây khác nhau, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của cơ quan nhà nước và xã hội.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2034, 2025**

c) Xác định một số nền tảng có khả năng triển khai dùng chung trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, lao động, việc làm, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023**

1.6. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin

a) Triển khai Trung tâm giám sát an toàn thông tin trên không gian mạng và các hệ thống SOC; kết nối với Trung tâm giám sát an toàn thông tin quốc gia; xác thực an toàn thông tin cho các thiết bị kết nối mạng; bảo đảm an toàn an ninh thông tin cho các hạ tầng mới trong chuyên đổi số như hạ tầng IoT;...

Thời gian thực hiện: **Quý III, IV năm 2021, năm 2022, 2023, 2024, 2025**

b) Tăng cường quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu; phòng chống hiệu quả các hoạt động gián điệp, thâm nhập hệ thống quản lý, điều hành chính quyền điện tử; tham gia chia sẻ dữ liệu quản lý công dân trong một số lĩnh vực phục vụ công trực tuyến như định danh điện tử, lưu trữ và truy xuất thông tin người dân.

Thời gian thực hiện: **Hàng năm**

2. Phát triển chính quyền số

a) Đẩy nhanh số hóa dữ liệu phục vụ hoạt động của các cơ quan Nhà nước bảo đảm tập trung, thông suốt trong lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền trên môi trường số; đẩy mạnh hợp trực tuyến, hợp không giấy, ký số...; tạo lập dữ liệu mở trên hầu hết các lĩnh vực quản lý nhà nước, phương pháp phục vụ doanh nghiệp, người dân truy cập, khai thác, sử dụng tối đa.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025**

b) 100% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp mức độ 4 trên cả thiết bị di động thông minh để phục vụ người dân, doanh nghiệp nhanh chóng, chính xác; phấn đấu nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên 80%.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025**

c) Triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh; Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh, gắn với phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống Chính quyền điện tử.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025**

3. Phát triển kinh tế số, kinh tế chia sẻ

a) Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số vào tổ chức quản lý và phương thức hoạt động của nền kinh tế địa phương; trọng tâm là phát triển công nghệ chuỗi khối (blockchain), trí tuệ thông minh (AI), tự động hóa và dữ liệu lớn (big data) hình thành và đưa vào khai thác, sử dụng trung tâm công nghệ số tại tỉnh.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025**

b) Xây dựng và ban hành các chính sách ưu đãi để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo; đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại địa phương để nâng cao năng lực cạnh tranh, kết nối toàn cầu; nghiên cứu hình thành và phát triển các sản phẩm công nghệ số, nội dung số, quảng cáo số,... công nghiệp sáng tạo, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025**

c) Xây dựng và phát triển thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, tháo gỡ giới hạn về địa lý trong kết nối thương mại; trong đó, tập trung phát triển mạnh mẽ sàn giao dịch điện tử đảm bảo kết nối cung cầu, nhất là chuỗi giá trị nông sản, du lịch, tiểu thủ công nghiệp trực tuyến.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025**

d) Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển tại tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng,...

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025**

4. Phát triển xã hội số

a) Thu hút đầu tư phát triển các khu, cụm dân cư, đô thị thông minh, khai thác sử dụng hiệu quả nền tảng số trong công tác quản lý xã hội tại địa phương; tập trung chuyển đổi số trên một số lĩnh vực như văn hóa, y tế, giáo dục, tài chính – ngân hàng, nông nghiệp,...

Thời gian thực hiện: **Hàng năm**

b) Tăng cường đầu tư quảng bá các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng của tỉnh; xây dựng hình ảnh, văn hóa con người Ninh Thuận thân thiện, văn minh trên không gian mạng, gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng và trật tự, an toàn xã hội.

Thời gian thực hiện: **Hàng năm**

c) Thúc đẩy chuyển đổi số trong xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số.

Thời gian thực hiện: **Hàng năm**

5. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

5.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế: Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa. Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh, chữa bệnh dựa trên công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử. 100% bệnh viện cấp huyện, cấp tỉnh thực hiện chuyển đổi số.

Thời gian thực hiện: *Năm 2022, 2023, 2024, 2025*

5.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục: Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, nhất là người dân ở vùng khó khăn. Số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Chuyển đổi số 100% cơ sở giáo dục, đào tạo trực thuộc tỉnh. Hợp tác với các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục phát triển các cơ sở đào tạo, lớp đào tạo về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Thời gian thực hiện: *Năm 2022, 2023, 2024, 2025*

5.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng: Xây dựng tài chính điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, bền vững. Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc,... Chuyển đổi số trong các ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình, thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (fintech) và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng.

Thời gian thực hiện: *Năm 2022, 2023, 2024, 2025*

5.4. Về lĩnh vực nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế. Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, truy vết sản phẩm trong nền kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển hệ thống thương mại điện tử tập trung vào các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm OCOP; khuyến khích nông dân chuyển sang phương thức giao dịch điện tử không sử dụng tiền mặt.

Thời gian thực hiện: *Năm 2022, 2023, 2024, 2025*

5.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải và logistics: Phát triển hệ thống giao thông thông minh, tập trung và các hệ thống giao thông đô thị; Chuyển đổi số hạ tầng logistics như cảng biển, kho vận,...; phát triển hệ thống hậu cần điện tử (e-logistics) kết nối chuỗi giá trị nông sản, đặc sản của tỉnh.

Thời gian thực hiện: *Năm 2022, 2023, 2024, 2025*

5.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại điện tử, năng lượng: Phát triển nền tảng thương mại điện tử của tỉnh trên môi trường số theo chuỗi giá trị, kết nối đầy đủ các chủ thể trong chuỗi cung ứng. Ứng dụng công nghệ trong việc cung ứng, sử dụng điện một cách hiệu quả, tiết kiệm; đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025**

5.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về tài nguyên và môi trường và bản đồ số; triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025**

5.8 Chuyển đổi số trong doanh nghiệp, lĩnh vực công nghiệp: Chuyển đổi số trong doanh nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các doanh nghiệp trụ cột: xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025**

5.9. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch: Chuẩn hóa nội dung số kết hợp công nghệ 3D, 4D để giới thiệu về điểm đến, sản phẩm, dịch vụ du lịch tiêu biểu của tỉnh Ninh Thuận và phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh. Đầu tư quảng bá các sản phẩm văn hóa, lịch sử; xây dựng hình ảnh, văn hóa con người Ninh Thuận thân thiện, văn minh trên không gian mạng, gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng và trật tự, an toàn xã hội.

Thời gian thực hiện: **Năm 2022, 2023, 2024, 2025**

6. Nguồn lực thực hiện

a) Huy động mạnh mẽ các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, chú trọng việc lồng ghép nguồn lực trong từng chương trình, đề án có liên quan; coi trọng nguồn đầu tư của doanh nghiệp, xã hội. Việc huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân hoặc hợp tác công tư chủ yếu thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số.

Thời gian thực hiện: **Hàng năm**

b) Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước trong khả năng cân đối ngân sách địa phương hằng năm để phục vụ các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số do cơ quan Nhà nước chủ trì hoặc đặt hàng các doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên.

Thời gian thực hiện: **Hàng năm**

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ và giải pháp trong Chương trình hành động này, giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, giao nhiệm vụ cho các Sở, ban, ngành, địa phương nghiêm túc quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết 09-NQ/TU và Chương trình hành động này để tạo sự thống nhất cao và sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân trong tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng, thực hiện các kế hoạch/đề án/phương án,... chủ động tham mưu xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, khả thi, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế; định kỳ 6 tháng, hàng năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, Ban Điều hành chuyển đổi số, đồng chí ủy viên Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công theo dõi lĩnh vực để báo cáo Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Chương trình hành động này nghiên cứu đưa một số mục tiêu, chỉ tiêu về chuyển đổi số hàng năm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; định kỳ hàng năm, 3 năm, 5 năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện (*sơ kết, tổng kết*) để tham mưu Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung đối với những vấn đề mới, cấp thiết và xây dựng Chương trình hành động cho giai đoạn tiếp theo đến năm 2030 đảm bảo phù hợp, hiệu quả, khả thi, đúng quy định; kịp thời đề xuất các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm thực hiện thắng lợi, toàn diện các nội dung Nghị quyết 09-NQ/TU và Chương trình hành động này đề ra./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo),
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các ban Đảng thuộc Tỉnh ủy,
- Thành viên BCS Đảng UBND tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy,
- Ban Chỉ đạo CDS, Ban Điều hành CDS,
- Các Sở, ban, ngành,
- UBND các huyện, thành phố,
- Lưu: VPUB.

T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG
BÍ THƯ



Trần Quốc Nam